



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Địa chỉ Số 02 Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong,
TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Số điện thoại 056. 3822077

Website <http://duongsatnghiabinh.vn/>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2016, Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả SXKD vượt kế hoạch đề ra và tăng trưởng so với năm trước; Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước; quyền lợi của cổ đông được đảm bảo; Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động được nâng lên.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty có được là do sự tin cậy và ủng hộ mạnh mẽ của đối tác, quý cổ đông và tập thể CBCNV Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, góp ý và đồng hành của đối tác, Quý Cổ đông để Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tôi xin thay mặt Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình gửi lời cảm ơn sâu sắc đến đối tác kinh doanh, Quý cổ đông và toàn thể CBCNV Công ty.

Kính thưa quý cổ đông, nhằm cung cấp các thông tin đến Quý cổ đông, Công ty lập Báo cáo thường niên năm 2016 báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, báo cáo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2017. Hội đồng quản trị xin báo cáo với Quý cổ đông xem xét và mong nhận được đóng góp ý kiến để Hội đồng quản trị không ngừng nâng cao trách nhiệm quản trị, năng lực quản lý điều hành Công ty nhằm thực hiện tốt Nghị quyết mà Đại hội cổ đông đề ra, góp phần xây dựng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững./.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Linh

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

17 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

45 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

57 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

67 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

75 BÁO CÁO TÀI CHÍNH





CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật- Cần kiệm- Sáng tạo”

Thông tin khái quát

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”



Tên công ty

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Tên Tiếng Anh

NGHIA BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ

18.060.000.000 đồng

Trụ sở chính

Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại

056. 3822077

Fax

056. 3817371

Email

congtycpdsnghiabinh@gmail.com

Website

<http://duongsatnghiabinh.vn/>

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Số 4100259405 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/01/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/01/2016

Mã cổ phiếu

NBR

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình qua gần 40 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, đã trải qua nhiều lần thay đổi về mặt tổ chức, tên gọi ở những thời điểm khác nhau; có những hoàn cảnh, những khó khăn thách thức riêng. Song toàn Đảng bộ Ban điều hành, các Đoàn thể trong Công ty cùng toàn thể CBCNV đã thể hiện lập trường kiên định nắm vững đường lối của Đảng; chủ trương chỉ đạo của ngành Đường sắt Việt Nam. Bám sát nhiệm vụ chính trị, tranh thủ sự lãnh đạo, giúp đỡ của ngành; chính quyền địa phương hai tỉnh Bình Định - Quảng Ngãi và nhân dân dọc hai bên tuyến đường sắt; đã lãnh đạo xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, đưa Công ty hòa nhập vào công cuộc đổi mới của đất nước, của ngành. Đóng góp một phần xuất sắc cùng với giai cấp công nhân ngành Đường sắt cả nước trong giai đoạn khôi phục, tái thiết tuyến đường sắt Thống Nhất và đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới đưa ngành Đường sắt Việt Nam bước vào thời kỳ Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa.



Trung tâm Đường sắt Quy Nhơn: Thuộc Đoạn Đường sắt II Bình Định - Bình Thuận từ sau ngày giải phóng đến tháng 09/1976.

1976

Khu Đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 1808/TC-NS ngày 01/10/1976 của Tổng cục Đường sắt.

1979

Đoạn cầu đường Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 106/TC-NS ngày 02/02/1979 của Tổng cục Đường sắt

1983

Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 908/TC ngày 30/12/1983 của Tổng cục Đường sắt.

1996

Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Đơn vị sự nghiệp kinh tế theo Quyết định 1208/TC ngày 30/5/1996 của Bộ Giao thông vận tải.

1998

Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Xí nghiệp công ích theo Quyết định số 876/TCCB ngày 17/4/1998 của Bộ Giao thông vận tải.



2003

Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/3/2003 của Bộ Giao thông vận tải.

2010

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình: Theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29/06/2010 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

2015

Ngày 08/01/2015 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách Doanh nghiệp thuộc Tổng công ty đường sắt Việt Nam thực hiện cổ phần hóa tại Quyết định số 64/QĐ-BGTVT.

2015

Căn cứ Quyết định số 3895/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là: 18.060.000.000 đồng (Mười tám tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

2015

Ngày 11/12/2015 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình, giá đấu thành công bình quân 10.000 đồng/ cổ phiếu.

2015

25 /12/ 2015, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập công ty cổ phần.

2016

Ngày 08/01/2016 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/01/2016 với vốn điều lệ ban đầu là 18.060.000.000 đồng (Mười tám tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

2016

Ngày 07/04/2016 Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng theo công văn số 1690/UBCK-GSDC ngày 07/4/2016 của ủy Ban chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký công ty đại chúng.

2016

Ngày 12/05/2016 Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 46/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 1.806.000 cổ phiếu



Các giải thưởng tiêu biểu

Trong những năm vừa qua, Công ty cổ phần Đường sắt Nghệ Bình đã vinh dự nhận được danh hiệu cao quý như:

- Năm 1985: Huân chương Lao động hạng ba.
- Năm 1991: Huân chương Lao động hạng nhì.
- Năm 1995: Huân chương Lao động hạng nhất.
- Năm 1996: Tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.
- Năm 2001: Huân chương Độc lập hạng ba.
- Năm 2006: Huân chương Độc lập hạng nhì.
- Năm 2011: Huân chương Độc lập hạng nhất.
- Dẫn đầu phong trào Bảo vệ an ninh tổ quốc, Thi đua quyết thắng liên tục;
- Giữ vững Đơn vị văn hoá 2002 – 2011, từ năm 2012 đến 2016 là cơ quan đạt chuẩn văn hóa doanh nghiệp
- Liên tục đạt danh hiệu Đơn vị dẫn đầu thi đua và tiên tiến của Tổng công ty.

Và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tặng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.

HÌNH ẢNH ĐÓN NHẬN CÁC DANH HIỆU



Vinh dự đón nhận danh hiệu "Đơn vị anh hùng lao động" năm 1996



Đ/c Nguyễn Tấn Hạnh - Giám đốc Xi nghiệp (người bên trái) đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba năm 1985



Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhì năm 2006



40 năm MỘT CHẶNG ĐƯỜNG



Công ty cổ phần đường sắt Nghĩa Bình

CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG



ANH HÙNG LAO ĐỘNG
1996



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHẤT NĂM 2011



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHÌ NĂM 2006



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG BA NĂM 2001



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG NHẤT NĂM 1995



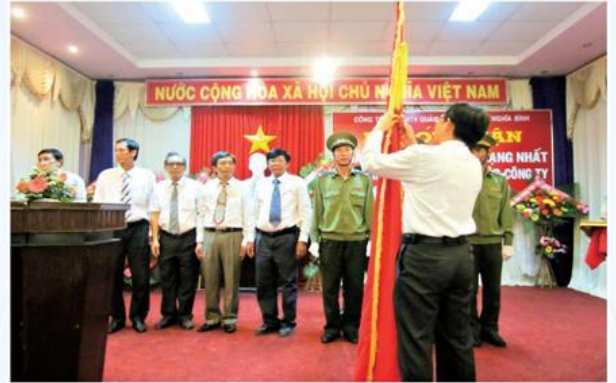
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG NHÌ NĂM 1991



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG BA NĂM 1985



Công ty cổ phần đường sắt Nghĩa Bình



Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2011



Đ/C Đinh La Thăng - UVBCHTW - Bộ Trưởng bộ GTVT trao cờ Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2015



Đồng chí Lê Quang Nghĩa nhận Bằng khen của UBND Tỉnh Bình Định





Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

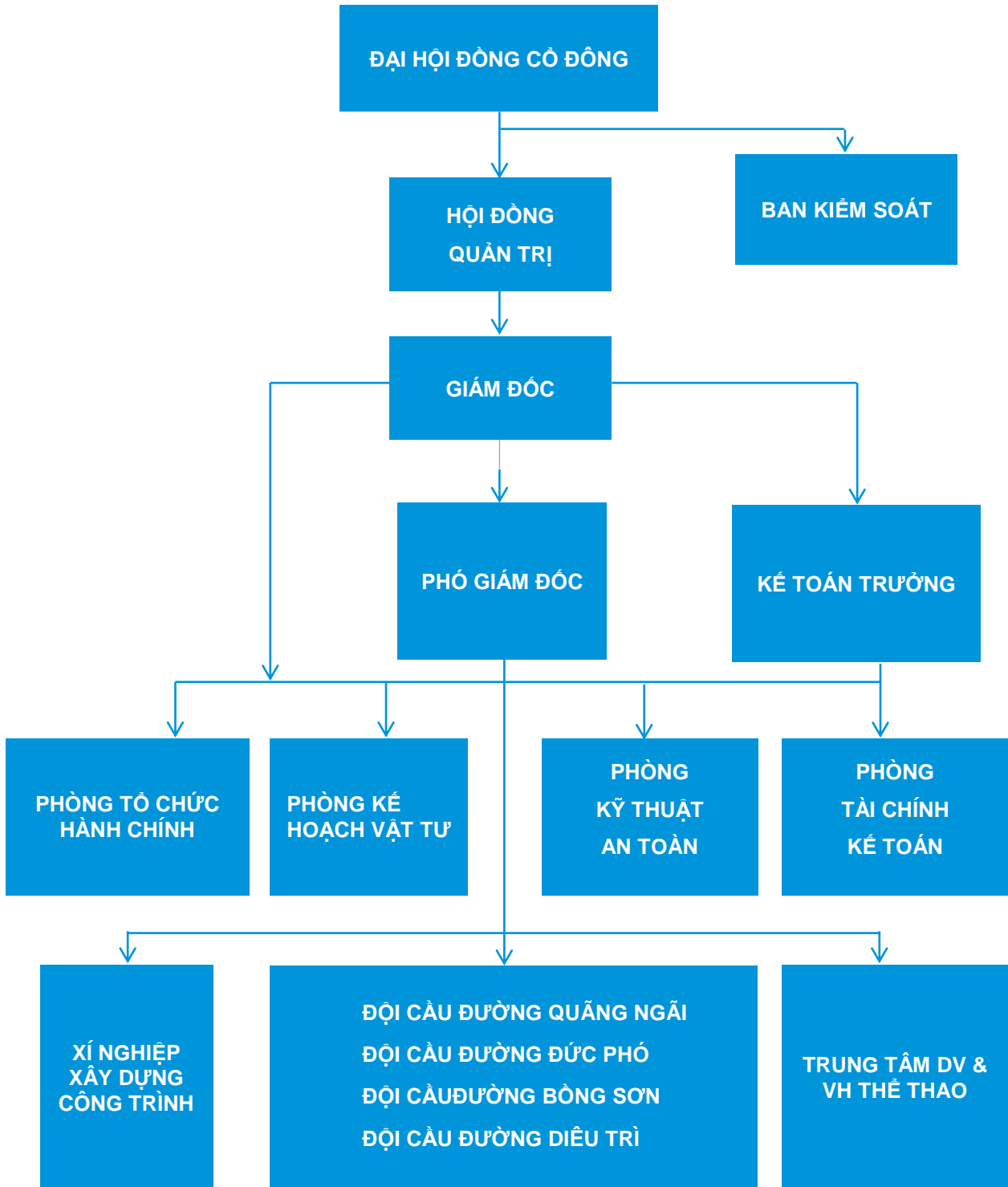
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì, xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi và nhà các loại; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.
- Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:
 - Sản xuất và khai thác đá, cát sỏi, cấu kiện bê tông, thép chuyên ngành, dụng cụ lao động, bảo hộ;
 - Thí nghiệm, kiểm nghiệm, tư vấn.
- Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:
 - Kinh doanh vận tải đường bộ; đại lý vé máy bay, ô tô, tàu hỏa;
 - Đầu tư và kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
 - Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao.

Địa bàn kinh doanh của Công ty

Công ty hoạt động chủ yếu ở 2 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi.

Sơ đồ tổ chức



Công ty con, công ty liên kết: Không có

Công ty mẹ: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

- Địa chỉ: 118 đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 39425972; Fax: (84-4) 39422866
- Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Ngành, nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ đường thủy, đường hàng không; tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.
 - Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; dịch vụ viễn thông và tin học; kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt; kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
 - Tỷ lệ góp vốn tại công ty: 9.210.600.000 đồng (tính theo mệnh giá) tương ứng 51%/vốn điều lệ.



Định hướng phát triển

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- **Mục tiêu đối với môi trường:** Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.
- **Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:** Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.
- Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nơi các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện. CTCP Đường sắt Nghĩa Bình là một cá thể trong nền kinh tế nên những yếu tố của nền kinh tế thay đổi sẽ tiềm ẩn những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tình hình chung đường sắt năm 2016

Trong 6 tháng đầu năm 2016, ngành đường sắt gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh, đặc biệt là khối vận tải do bị hạn chế trong thời gian đầu triển khai mô hình vận tải mới. Đặc biệt, sự cố sập cầu Ghềnh hôm 20-3, làm gián đoạn tuyến đường sắt Bắc – Nam đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của ngành đường sắt. Việc cơ sở hạ tầng lạc hậu, yếu kém không được đầu tư nâng cấp được xem là nguyên nhân của mọi nguyên nhân khiến cho Đường sắt Việt Nam (ĐSVN) liên tục sụt giảm thị phần, bị các loại hình vận tải khác cạnh tranh. Tổng Công ty ĐSVN cho biết đã triển khai nhiều phương án kinh doanh, tạo áp lực cho các chi nhánh, trạm vận tải chủ động nâng cao sản lượng, doanh thu. Tuy nhiên, qua đánh giá, các chỉ tiêu đề ra trong năm 2016 đều giảm so với cùng kỳ năm 2015.

Bên cạnh đó, một số hạn chế khác như việc cạnh tranh giữa các công ty cổ phần vận tải có biểu hiện không lành mạnh, làm tiêu hao nguồn lực vận tải và giảm khả năng cạnh tranh với các loại hình vận tải khác. Một số dự án đã và đang triển khai bị thiếu vốn cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành.

Rủi ro đặc thù ngành đường sắt

Kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng cơ bản của Công ty đều chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách kinh tế của Nhà nước trong việc phát triển, ngành xây dựng cơ bản, khả năng phân bổ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cho các công trình xây dựng cũng như nguồn vốn chủ đầu tư và sự liên quan đến các Ban ngành khác khi thi công công trình hạ tầng. Ngành đường sắt là một ngành mang tính đặc thù, đòi hỏi sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng. Do đó, lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách, chế độ đối với người lao động đều cũng được xem là những rủi ro đáng quan tâm của Công ty.

Những điều kiện khắt khe về kỹ thuật, quy trình thi công đến nghiệm thu công trình luôn được Công ty áp dụng nhằm đảm bảo về chất lượng.

Bên cạnh đó, xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp xây dựng cơ bản trong cũng như ngoài nước sẽ dẫn đến sự cạnh tranh rất gay gắt. Công ty sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Công ty trong ngành.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu và hàng hóa biến động liên tục phần lớn xuất phát từ những hàng hóa "trọng điểm" của nền kinh tế đặc biệt là sắt thép. Việc biến động này sẽ tác động trực tiếp đến chi phí giá thành của sản phẩm. Ngoài ra tình trạng giá xăng dầu tại Việt Nam đang tăng vì phải gánh vác thuế môi trường khá cao. Đây là lý do quan trọng ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật xây dựng, Luật kinh tế, Luật Đất đai và các luật liên quan. Đồng thời, Công ty vừa chuyển đổi mô hình doanh nghiệp, trở thành Công ty đại chúng, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM, nên chịu tác động từ Luật Chứng khoán và các văn bản dưới Luật hiện nay đang hoàn thiện. Trong thời gian chuyển giao này, việc chưa quen và thích nghi với các quy định về chứng khoán là khó tránh khỏi. Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào về pháp luật hoặc chính sách liên quan đều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Để khắc phục rủi ro này, Công ty liên hệ với các đơn vị tư vấn để được tư vấn những chính sách đúng đắn, nhằm cập nhật các quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi cho cổ đông.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, phát triển các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.329.657.016	89,39%	115.541.431.348	90,53%
Doanh thu thuần XDCCB	12.487.093.910	10,03%	11.313.087.275	8,86%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	721.676.372	0,58%	773.614.700	0,61%
Tổng cộng	124.538.427.298	100,00%	127.628.133.323	100,00%

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự thay đổi khả quan hơn so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 115,5 tỷ đồng tăng 3,78% so với cùng kỳ năm 2015. Doanh thu thuần về XDCCB giảm nhẹ so với năm 2015 đạt 11,3 tỉ đồng. Mặc dù, giá vốn đầu vào cao chiếm khoảng hơn 85% doanh thu thuần qua các năm, nhưng với chính sách ổn định nguyên liệu đầu vào bởi nguồn vật tư do Công ty tự gia công, sản xuất cung cấp để phục vụ cho nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông đường sắt: Xi măng, sắt thép, tà vẹt gỗ, phụ kiện nối giữ, tà vẹt bê tông dự ứng lực TN1, ray, ghi, đá 2,5x5... Công ty còn xây dựng các mối quan hệ tốt với các nhà cung ứng, hợp đồng với các nhà cung ứng thông qua chào hàng cạnh tranh rộng rãi theo quy định của Pháp luật, gồm: Công ty cổ phần đá Mỹ Trang Công ty cổ phần Chu Lai, Công ty TNHH thương mại Xuân Hiếu, Công ty Chế biến lâm sản và phát triển nông nghiệp Nghệ An, Công ty cổ phần cơ khí đường sắt Đà Nẵng, Công ty cổ phần đá Hoàng Mai, Công ty cổ phần Công trình 6,.... Do đó, giá vốn hàng bán được duy trì ổn định (chỉ tăng khoảng 0,44%), nằm trong sự kiểm soát và dự tính của Công ty.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2015



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ NHẤT



TỔ chức và nhân sự

Danh sách thành viên hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Mai Văn Tân	Thành viên	Thành viên điều hành
3	Lê Công Đệ	Thành viên	Thành viên điều hành



Thông tin chung

Ông NGUYỄN THÁI LINH - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên khai sinh: Nguyễn Thái Linh

Số CMTND: 201374010

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1961

Nơi sinh: Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: số 05 Nguyễn Đức Cảnh, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Địa chỉ tạm trú: Tổ 42, Khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 04/1982 đến 03/1990	Kỹ thuật viên - Phân đoạn đường đèo Hải Vân, Phó Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng.
Từ 04/1990 đến 08/2000	Phó Bí thư, Bí thư Đoàn TN Xí nghiệp Liên hiệp vận tải Đường sắt Khu vực II.
Từ 09/2000 đến 15/9/2010	Phó trưởng Phân ban Quản lý Cơ sở hạ tầng Đường sắt Khu vực II.
Từ 16/9/2010 đến 11/2015	Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/12/2015 đến 07/01/2016	Chủ tịch Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 08/01/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Kỷ luật: Không

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 13.829 cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 460.530 cổ phần tương ứng 25,5%/vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Ông MAI VĂN TÂN - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Họ và tên khai sinh: Mai Văn Tân

Số CMTND: 210063146

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1963

Nơi sinh: Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 20B, Khu vực 3, P. Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Nơi ở hiện nay: số 02A/21 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 04/1982 đến 06/1985	Tập sự, kỹ thuật viên Đội đường 401 Quảng Ngãi thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 06/1985 đến 03/1990	Đội phó Đội đại tu Đường sắt 409 thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 03/1990 đến 01/1998	Kỹ thuật viên, thống kê Đội QLĐS 409 Diêu Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/1998 đến 09/2000	Bí thư chi bộ, Đội trưởng Đội QLĐS 409 Diêu Trì thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 09/2000 đến 03/2008	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 03/2008 đến 11/2015	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 04/11/2015 đến 07/01/2016	Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 08/01/2016 đến nay	Giám đốc Công ty Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 5.840 cổ phần tương ứng 0,32%/vốn điều lệ.

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 460.530 cổ phần tương ứng 25,5%/vốn điều lệ.

Số cổ phần của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Nguyễn Thị Minh Huệ	Vợ	210954510	4.880 cổ phần tương ứng 0,27% / VDL

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Ông LÊ CÔNG ĐỆ - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Họ và tên khai sinh: Lê Công Đệ

Số CMTND: 210041381

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/08/1959

Nơi sinh: Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ thường trú: số 113 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nơi ở hiện nay: số 113 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt.

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 1980 đến 1981	Kỹ thuật viên Đội đường sắt 407 Phủ cát thuộc Đoạn cầu đường Nghĩa Bình.
Từ 1981 đến 1996	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 1996 đến 2001	Phó phòng Kỹ thuật thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 2001 đến 2009	Trưởng phòng Kỹ thuật thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 2009 đến 2011	Giám đốc Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 2011 đến 2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 08/01/2016 đến nay	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Kỷ luật: Không

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 4.780 cổ phần tương ứng 0,26%/Vốn điều lệ

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Thị Kim Loan	Trưởng ban
2	Thái Thị Thảo Vi	Thành viên
3	Trần Quốc Nguyên	Thành viên



Bà TRẦN THỊ KIM LOAN - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên khai sinh: Trần Thị Kim Loan

Số CMTND: 211545825

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 10/08/1976

Nơi sinh: Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 42, Khu vực 6, P. Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Nơi ở hiện nay: số 129 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 10/1995 đến 03/1998	Tập sự thống kê Đội đường 405 Bồng Sơn thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 04/1999 đến 12/2003	Thống kê Đội đường 407 Phù Cát thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2004 đến 10/2013	Nhân viên Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 11/2013 đến 12/2015	Phó phòng TC-TH, Xí nghiệp Xây dựng công trình thuộc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Kỷ luật: Không

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 4.480 cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần.

Số cổ phần của người có liên quan: .

Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Trần Văn Hào	Chồng	211506039	3.385 cổ phần tương ứng 0,19% / VDL

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Bà THÁI THỊ THẢO VI — Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên khai sinh: Thái Thị Thảo Vi

Số CMTND: 215169473

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 23/11/1991

Nơi sinh: Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 20, Khu vực 3, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Chỗ ở hiện nay: số 02A/17 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 10/2013 đến 12/2013	Tập sự tại phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 12/2013 đến 12/2015	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2016 đến nay	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

Kỷ luật: Không

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 3.830 cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Thái Văn Ngo	Cha	215193633	5.670 cổ phần tương ứng 0,31%/VĐL
Phạm Thị Kiều Dung	Me	211290828	3.060 cổ phần tương ứng 0,17%/VĐL

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Ông TRẦN QUỐC NGUYỄN - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên khai sinh: Trần Quốc Nguyễn

Số CMTND: 211894075

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/03/1985

Nơi sinh: Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 42, Khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Nơi ở hiện nay: số 135 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 2009 đến 12/2012	Chuyên viên quan hệ khách hàng tại Ngân hàng SHB - Bình Dương.
Từ 12/2013 đến 12/2015	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2016 – 15/02/2017	Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty.
16/02/2017 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

Kỷ luật: không

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 3.660 cổ phần tương ứng 0.2%/VĐL

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Trần Thanh Sơn	Cha	211189728	5.320 cổ phần tương ứng 0,29% / VĐL

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Văn Tân	Giám đốc
2	Lê Công Đệ	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

Ông MAI VĂN TÂN — Giám đốc

Thông tin đã đề cập tại mục Thành viên Hội đồng quản trị

Ông LÊ CÔNG ĐỆ - Phó Giám đốc

Thông tin đã đề cập tại mục Thành viên Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN THANH HẢI - Phó Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Thanh Hải

Số CMTND: 211300434

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/03/1969

Nơi sinh: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 42, Khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Nơi ở hiện nay: số 81 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế xây dựng Giao thông vận tải

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 6/1988 đến 6/1990	Công nhân phụ xe tải phòng Vật tư, Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 6/1990 đến 8/1997	Công nhân lái xe phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 8/1997 đến 2/1998	Nhân viên phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 2/1998 đến 01/2004	Phó trưởng phòng Vật tư thuộc Xí nghiệp QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 01/2004 đến 01/2011	Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty QLĐS Nghĩa Bình
Từ 26/01/2011 đến 15/12/2011	Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 16/12/2011 đến 07/01/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV QLĐS Nghĩa Bình.
Từ 08/01/2016 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Kỷ luật: Không

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 4.630 cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG - Kế toán trưởng

Họ và tên khai sinh: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Số CMTND: 211545676

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/8/1976

Nơi sinh: Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 43, Khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Nơi ở hiện nay: số 89 đường Phó Đức Chính, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:



Thời gian	Địa điểm
Từ 6/1999 đến 02/2012	Nhân viên phòng Tài chính-Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐ&S Nghĩa Bình.
Từ 3/2012 đến 02/2014	Phó trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐ&S Nghĩa Bình.
Từ 3/2014 đến 01/2015	Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Công ty TNHH MTVQLĐ&S Nghĩa Bình.
Từ 02/2015 đến 12/2015	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV QLĐ&S Nghĩa Bình.
Từ 01/2016 đến nay	Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Kỷ luật: Không

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần Công ty cá nhân nắm giữ: 5.630 cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền đại diện cho TCT Đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Trần Văn Long	Chồng	211660402	3.870 cổ phần tương ứng 0,21%/VĐL
Nguyễn Quốc Hòa	Anh Trai	211189757	10.170 cổ phần tương ứng 0,56%/VĐL

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGĐ trong năm 2016

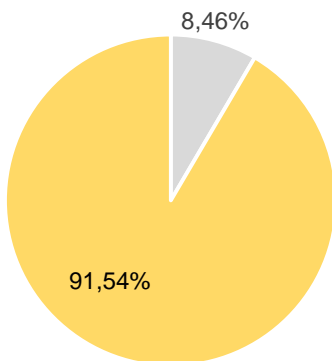
Trong năm, Công ty không có sự thay đổi.

Cán bộ công nhân viên

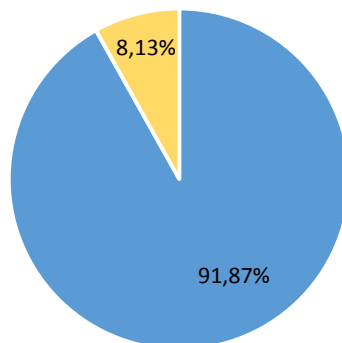
Cơ cấu lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	615	100%
1	Trên đại học	-	-
2	Đại học	78	12,68%
3	Cao đẳng	89	14,47%
4	Trung cấp	448	72,85%
5	CNKT		
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	615	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	52	8,46%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	563	91,54%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
C	Theo giới tính	615	100%
1	Nam	565	91,87%
2	Nữ	50	8,13%

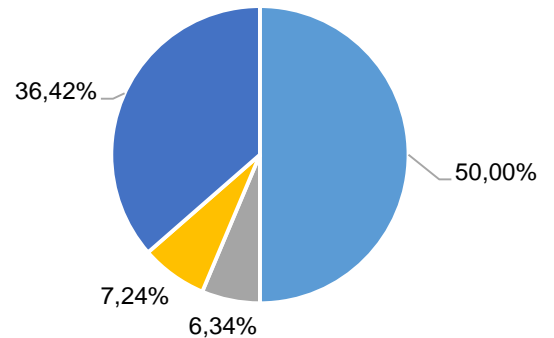
Theo tính chất hợp đồng



Theo giới tính



Theo trình độ lao động



■ Hợp đồng có xác định thời hạn
■ Hợp đồng không xác định thời hạn

■ Nam ■ Nữ

■ Theo trình độ lao động
■ Trình độ đại học, cao đẳng
■ Trình độ trung cấp
■ Công nhân kỹ thuật
■ Trình độ trên đại học

Thu nhập bình quân

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng số người lao động	700	659	631	615
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.580.000	6.200.000	6.820.000	7.370.000

Chính sách nhân sự

Để xây dựng nguồn lực, Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Ngoài tiền lương, Công ty xây dựng chế độ thưởng theo quy chế khen thưởng chung của Nhà nước và Bộ Giao thông Vận tải và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngoài điều kiện lao động, chế độ tiền lương và thưởng, Công ty cũng sẽ tiếp tục truyền thống của đơn vị là chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tập trung vào điều hành thi công công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và các công trình sửa chữa <500 triệu đồng:

Năm 2016, Công ty ký hợp đồng đã đảm nhận thi công quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt từ Km 903+000-: -1093+200 tuyến đường sắt thống nhất Hà Nội - TP Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt Diêu Trì - Quy Nhơn và các công trình sửa chữa định kỳ <500 triệu đồng đều đảm bảo các mục tiêu như: tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

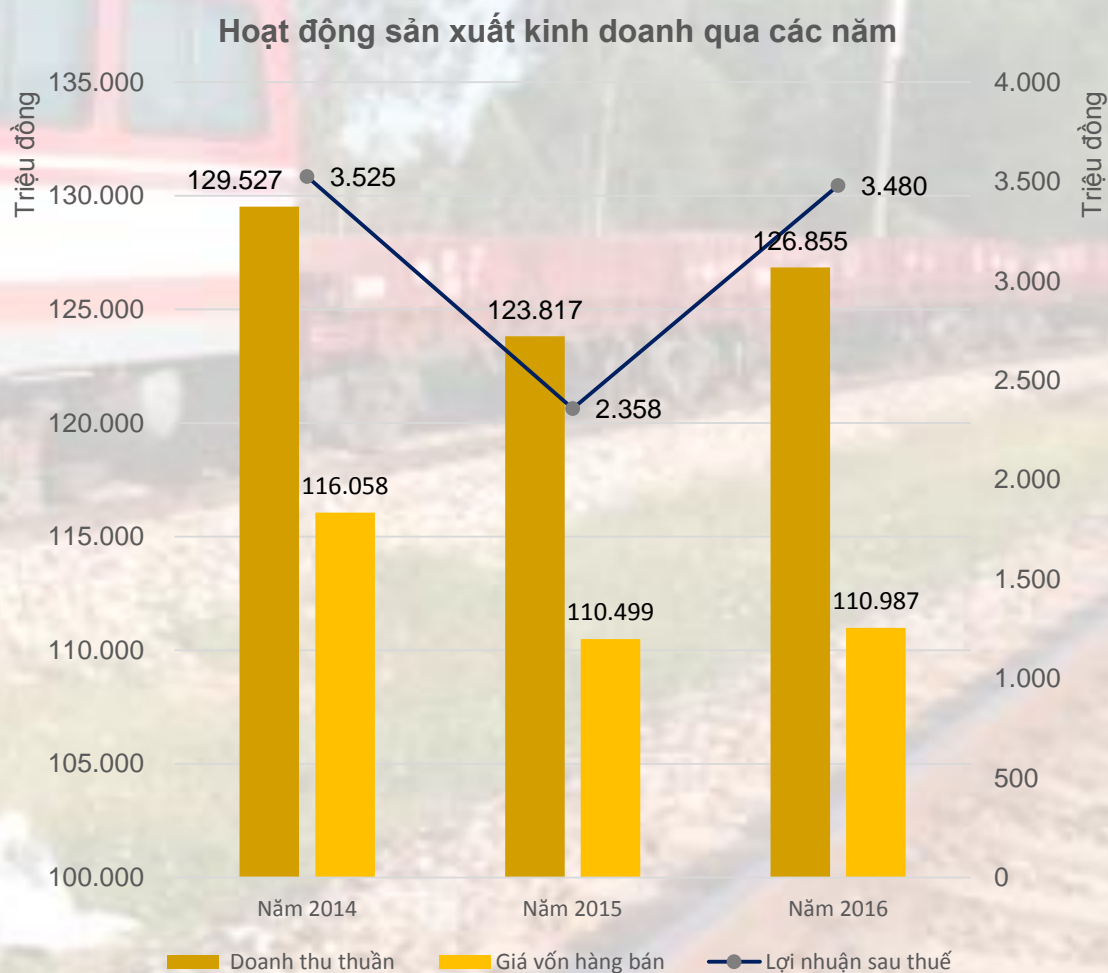
Trong năm 2016, Công ty đã chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu các dự án do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam làm chủ đầu tư, tiếp thị nhận thầu để tìm kiếm việc làm cho CBCNV. Đồng thời chủ động tham gia đấu thầu một số gói thầu, dự án phù hợp với năng lực của Công ty.

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Năm 2016/ Năm 2015
Tổng tài sản	71.750.836.256	65.822.067.634	91,74%
Vốn chủ sở hữu	14.728.476.691	21.540.482.401	146,25%
Doanh thu thuần	123.816.750.926	126.854.518.623	102,45%
Giá vốn hàng bán	110.498.569.828	110.986.668.899	100,44%
Doanh thu hoạt động tài chính	662.694.917	772.838.687	16,62%
Chi phí tài chính	20.034.000	14.871.451	74,23%
Chi phí bán hàng	535.492.886	534.118.469	99,74%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.145.328.798	11.665.562.283	114,98%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.280.020.331	4.426.136.208	134,94%
Lợi nhuận khác	(186.971.876)	(60.271.363)	32,24%
Lợi nhuận trước thuế	3.093.048.455	4.365.864.845	141,15%
Lợi nhuận sau thuế	2.358.468.062	3.480.482.401	147,57%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	1.927	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	-	7,5% (*)	-

(*) Tỷ lệ dự tính sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

Năm 2016 là một năm tương đối khó khăn đối với ngành đường sắt cả nước nói chung và Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình nói riêng. Riêng trong năm vừa qua các đợt lũ đã nhiều lúc làm tê liệt nhiều tuyến đường sắt ở miền Trung gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên tình hình vào những tháng cuối năm có khả quan hơn nên doanh thu của Công ty ở mức tương đương với cùng kỳ năm 2015 đạt khoảng 126,9 tỷ đồng tăng 2,45%, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cũng tăng 34,94% đạt 4,4 tỷ đồng. Chi phí lãi vay giảm 25,77% đạt 14,9 triệu đồng. Các khoản chi phí bán hàng và giá vốn hàng bán của Công ty không có sự thay đổi nhiều trong năm vừa qua.





Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32	1,24
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07	1,10
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	79,47	67,27
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	387,16	205,57
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,55	13,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,42	1,84
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,90	2,74
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,03	19,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,79	5,06
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,65	3,49

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.806.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.806.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/12/2016)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông nội bộ	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	1.806.000	18.060.000.000	100%
1	Cá nhân	884.940	8.849.400.000	49%
2	Tổ chức	921.060	9.210.600.000	51%
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	Tổng cộng	1.806.000	18.060.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn (tính đến ngày 31/12/2016)

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	921.060	51%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.



Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để Công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng Công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện. Trong đó:

- Xăng: 21.214 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Dầu diezen: 33.055 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt như máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đá năng...
- Dầu nhớt: 218 lít: được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.
- Điện: 195.500KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn Công ty.



Tiêu thụ nước

Công ty ký hợp đồng mua nước tại các Công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty, Đối với những khu vực không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đối với những khu vực sản xuất cấu kiện bê tông được sử dụng giếng khoan nơi có nguồn nước ngầm sạch nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm. Lượng nước sử dụng trong năm 2016: 7.910m³.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2016, Công ty tiếp tục tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường trong toàn Công ty đã đăng ký từ năm 2015. Trên cơ sở đó triển khai đến các đơn vị trong toàn Công ty thực hiện. Ngoài ra, để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã thành lập ban chỉ đạo bảo vệ môi trường Công ty, đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường lên Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động. Công ty cũng xúc tiến đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn xác nhận trong năm 2015. Trong năm 2016, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách đào tạo

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề và nghiệp vụ. Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho doanh nghiệp;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và của ngành, Công ty.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, nhân viên của Công ty còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm chuyên môn...
- Là doanh nghiệp hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định. Do đó đã tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV.

Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác

- Tại Công ty, các tổ chức như Đảng uỷ, Công đoàn và đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.
- Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao cho CBCNV như Tổ chức ngày hội thể thao của Công ty, tổ chức hội trại hè, ngày Quốc tế thiếu nhi, ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng... , cụ thể phụng dưỡng 03 mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn Tỉnh xây dựng nhà tình nghĩa; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác với tổng số tiền gần 100 triệu đồng; tham gia hiến máu nhân đạo 10 đơn vị máu do liên đoàn lao động Tỉnh Bình Định tổ chức, qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên Công ty với nhau và với xã hội.



(Công đoàn BP cơ quan Công ty tổ chức quyên góp giúp đỡ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt)



(Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đã tổ chức Lễ trao nhà tình thương cho anh Phan Nhịp Cầu- công nhân Đội xây dựng cầu đường Diêu Trì)



D12E-649

VNR

D12E-649

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển và Báo cáo đánh giá liên quan đến
trách nhiệm về môi trường và xã hội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	TH2015	KH2016	TH2016	TH2016/ TH2015	TH2016/ KH2016
Doanh thu thuần	123.817	-	126.855	102,45%	99,96%
Giá vốn hàng bán	110.499	-	110.987	100,44%	-
Doanh thu hoạt động tài chính	663	-	773	116,59%	-
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	10.701	-	12.215	114,15%	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.280	-	4.426	134,94%	-
Thu nhập khác	58	-	0,776	1,34%	-
Chi phí khác	246	-	61	24,80%	-
Lợi nhuận khác	(187)	-	(60)	32,09%	-
Lợi nhuận trước thuế	3.093	3.221	4.366	141,16%	135,55%
Lợi nhuận sau thuế	2.358	2.684	3.480	147,58%	129,66%
EPS (đồng/cổ phiếu)	-	-	1.927	-	-

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình trong năm 2016 có sự khả quan hơn so với năm 2015. Cụ thể, doanh thu thuần đạt khoảng 126,9 tỷ đồng, tăng 2,45% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do đặc thù ngành đường sắt, giá vốn đầu vào cao (chiếm hơn 85% doanh thu thuần) dẫn đến biên lợi nhuận không cao. Mặc dù vậy, với nỗ lực kiểm soát đầu vào, giá vốn hàng bán của Công ty vẫn duy trì so với năm trước (tăng khoảng 0,44%), khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đạt khoảng 12,2 tỷ tăng 14,15% so với năm 2015. Kết quả của sự nỗ lực ổn định đầu vào, quản lý chi phí hợp lý là khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 47,58% so với cùng kỳ năm trước, đạt khoảng 3,5 tỷ đồng.

Ban lãnh đạo Công ty đã có những định hướng đúng đắn, chính sách hoạt động, quản lý Công ty,... phù hợp với tình hình thực tế trong năm vừa qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”



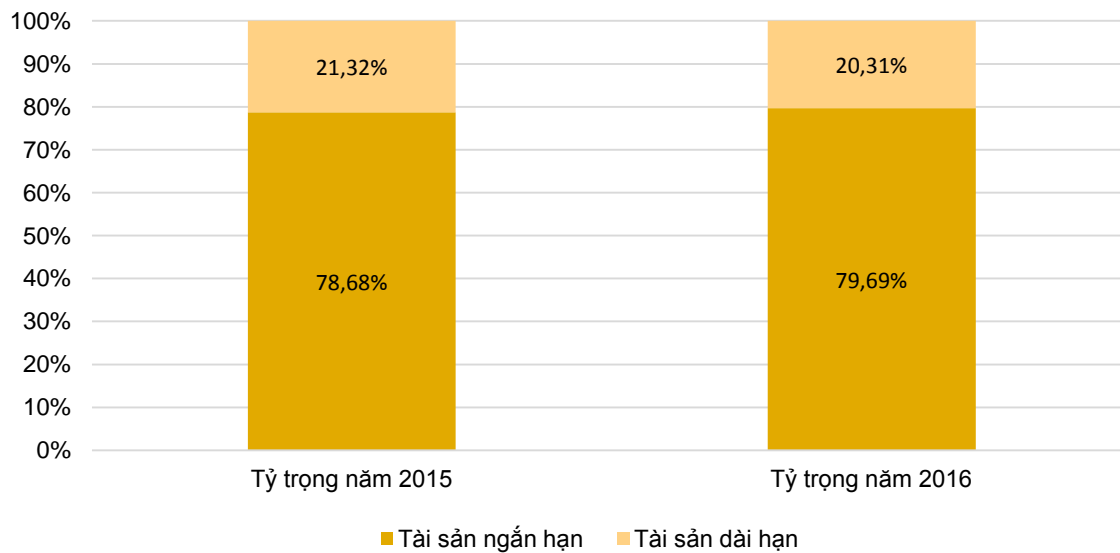
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016	TH2016/TH2015
Tài sản ngắn hạn	56.450	52.457	78,68%	79,69%	92,93%
Tài sản dài hạn	15.301	13.365	21,32%	20,31%	87,35%
Tổng tài sản	71.751	65.822	100%	100%	91,74%

Tình hình tài sản



NBR – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2016 không có sự thay đổi lớn cả về giá trị lẫn cơ cấu so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 65,8 triệu đồng. Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm hơn 75% về cơ cấu, còn lại là phần tài sản dài hạn.

Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 52,5 triệu đồng giảm 7,17% so với năm trước. Nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho của Công ty giảm mạnh 44,61% từ 10,9 tỷ đồng còn khoảng hơn 6 tỷ đồng, trong đó, phần xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành, chuyển sang thành phẩm, đưa vào hoạt động; ngoài ra, trong năm 2016 Công ty nhận ít công trình hơn so với năm 2015. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn giảm một phần là do khoản đầu tư ngắn hạn giảm 3 tỷ so với năm 2015.

Tài sản dài hạn năm 2016 giảm 12,65% so với năm 2015, đạt 13,37 tỉ đồng. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do phần khấu hao tài sản lớn và Công ty không mua sắm tài sản cố định mới trong năm. Cụ thể như sau:

Tình hình tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	10.498.998.983	4.251.543.966	40,49%
Máy móc thiết bị	2.658.921.696	592.250.540	22,27%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	9.172.572.109	5.182.308.128	56,50%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	35.886.364	5.946.881	16,57%
Cộng	22.366.379.152	10.032.049.515	44,85%

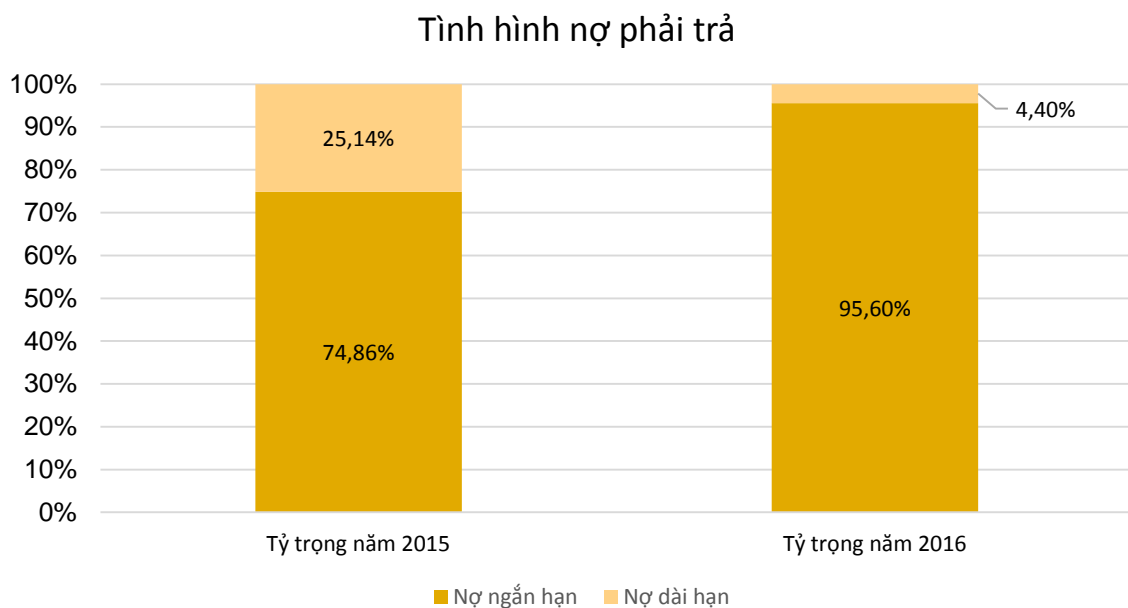
Tình hình sử dụng đất

STT	Vị trí	Tài sản trên đất	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại	Chuyển sang Công ty cổ phần
1	Khu nhà điều hành sản xuất Công ty (nhà đất khu làm việc Công ty) tại 02 đường Phó Đức Chính, TP Quy Nhơn	- Trụ sở và Nhà điều hành sản xuất - Nhà hội trường - Nhà Kho - Nhà bảo vệ - ...	14.680	Thuê đất trả tiền hằng năm	- Trụ sở và Nhà điều hành sản xuất - Nhà hội trường - Nhà Kho - Nhà bảo vệ - ...	Thuê đất trả tiền hằng năm
2	Nhà 234 Lê Hồng Phong – Quy Nhơn số 243 đường Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn	Nhà 243 - Quy Nhơn	143	Thuê đất trả tiền hằng năm	Nhà hàng ăn uống	Thuê đất trả tiền hằng năm



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016	TH2016/TH2015
Nợ ngắn hạn	42.685	42.331	74,86%	95,60%	99,17%
Nợ dài hạn	14.337	1.951	25,14%	4,40%	13,61%
Tổng nợ phải trả	57.022	44.282	100%	100%	77,66%



Tình hình nợ phải trả trong năm 2016 có xu hướng giảm so với năm 2015, mức tổng nợ phải trả trong năm 2016 đạt 44,3 tỷ đồng giảm 22,34% so với cùng kỳ năm trước. Nhưng mức chuyển dịch trong cơ cấu nợ thì có sự thay đổi lớn, cụ thể tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng từ mức 74,86% trong năm 2015 lên 95,60% trong năm 2016.

Trong đó, nợ ngắn hạn của Công ty không có sự thay đổi đáng kể đạt 42,3 tỷ đồng chỉ giảm 0,83% so với năm trước. Khoản phải trả là số tiền phải trả cho các đối tác của Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Công trình 6, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng, Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Đà Nẵng tăng 66,63%. Nợ dài hạn là phần phải trả cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam khoảng hơn 14 tỉ đồng, đã được Công ty chuyển trả còn 1,95 tỷ đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Chăm kiểm - Sáng tạo”

SUCCESS

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ứng dụng công nghệ mới trong XD/CB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mối gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...
- Cải tiến công cụ lao động, đưa tỷ lệ sử dụng các máy móc thay thế dần lao động chân tay.
- Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin.
- Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn.
- Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhật phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc; trao đổi thông tin qua internet giao ban trực tuyến với 5 điểm cầu trong Công ty...
- Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.
- Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.
- Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.
- Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức để kiểm tra sát hạch nâng lương cả về chuyên môn, tin học thực hành và pháp luật. Phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“**40** năm xây dựng phát triển và trưởng thành”



Kế hoạch phát triển và báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

Cơ sở xây dựng chiến lược

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020: giao thông vận tải đường sắt cần chiếm tỷ trọng tối thiểu 13% về nhu cầu luân chuyển hành khách và 14% về luân chuyển hàng hoá trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải; trong đó vận tải hành khách đô thị bằng đường sắt đạt ít nhất là 20% nhu cầu vận tải hành khách công cộng tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
- Giai đoạn đến năm 2030: đạt tỷ trọng 20% về nhu cầu luân chuyển hành khách hàng hoá; đạt tỷ trọng 25% về nhu cầu vận chuyển hành khách công cộng tại các đô thị lớn.
- Vận tải hành khách: tập trung phát triển dịch vụ vận tải đường dài với cự ly 300km đến 500 km trên các hành lang giao thông chủ yếu, đặc biệt là hành lang Bắc - Nam, Đông - Tây và dịch vụ vận tải đường sắt đô thị, đường sắt nội - ngoại ô, đường sắt liên tỉnh trên cơ sở khai thác hệ thống đường sắt hiện có, đường sắt xây dựng mới ở các khu đoạn cự ly trung bình và khu vực có nhu cầu lớn.
- Vận tải hàng hóa: thúc đẩy phát triển nhanh dịch vụ vận tải hàng nặng, khối lượng lớn từ các khu mỏ, cảng biển, cảng ICD, nhà máy, các khu kinh tế lớn... giảm bớt sức ép đối với đường bộ, hạn chế tai nạn trên giao thông; ứng dụng công nghệ vận tải hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ vận tải trên cơ sở thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp vận tải đường sắt nhà nước, xã hội hóa vận tải đường sắt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành vận tải, thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia phát triển vận tải đường sắt và dịch vụ hỗ trợ vận tải với việc thiết lập thị trường cạnh tranh, tăng cường quản lý nhà nước về vận tải đường sắt.
- Mở rộng liên kết vận tải quốc tế, khu vực và các quốc gia có biên giới liền kề trên cơ sở mạng đường sắt hiện có và trong tương lai.

Về kết cấu hạ tầng, mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.
- Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Về quy hoạch phát triển:

- Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng:
- Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.
- Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng: Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh ...

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo Công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.

Công tác an toàn lao động: Trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, kiểm soát cảnh báo an toàn thường xuyên trên tất cả các đơn vị của Công ty.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình năm 2016 nhìn chung ổn định, phát triển có hiệu quả, chất lượng sản phẩm được duy trì. Doanh thu, lợi nhuận đã cơ bản hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

Thuận lợi

- Để có được kết quả trên là nhờ có sự đoàn kết nhất trí, sự cố gắng, quyết tâm của toàn thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và CBCNV trong toàn Công ty và cũng có được sự hỗ trợ tin cậy của đối tác và quý cổ đông nhất là cổ đông lớn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Công ty chuyển sang mô hình hoạt động công ty cổ phần trong công tác quản trị chủ động nhiều hơn trong quá điều hành;
- Công ty được sử dụng nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao;
- Hội đồng quản trị Công ty cũng đã quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình của Công ty, đưa ra các quyết định kịp thời trong các mặt hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng công tác nâng cao công nghệ, tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận trong hoạt động SXKD.

Khó khăn

- Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động mô hình công ty cổ phần những khó khăn ban đầu bở ngỡ do có nhiều đổi mới về công tác quản trị nhất là công tác quản trị công ty đại chúng việc triển khai các dự án của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và địa phương có nhiều hạn chế nên việc tìm kiếm công ăn việc làm gặp rất nhiều khó khăn trong khi đó nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong quá trình phục hồi sau giai đoạn khủng hoảng, dẫn đầu là các ngành xây dựng hạ tầng và sản xuất công nghiệp.
- Công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt diễn biến phức tạp nhất là các vị trí đường ngang, đường dân sinh, biển báo và hành lang an toàn giao thông đường sắt.
- Mặc dù vậy tập thể Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và người lao động của Công ty thực sự đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao đưa Công ty vượt qua khó khăn để sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016

Trong năm 2016, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết, hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.
- Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.
- Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 1 lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc ký kết hợp đồng đặt hàng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt giữa Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình và việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với cổ đông là tổ chức Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 92,87% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Ngày 08/6/2016, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 68/NQ-HĐQT về điều chỉnh danh mục ngành nghề kinh doanh tại mục 1 khoản 2 điều 4 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: “Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ - Chi tiết: Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt ... điều chỉnh thành Quản lý, bảo trì, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt ...”
- Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Các nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 3/3 thành viên Hội đồng quản trị.

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất:

Về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện tốt các nhiệm vụ kế hoạch SXKD, kết thúc năm 2016, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động và nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông đúng với kế hoạch được thông qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	TH so với KH (%)
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	139,040	139,540	100,36
2	Doanh thu	Tỷ đồng	126,900	127,628	100,57
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,35	4,36	130,13
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,684	3,480	129,66
5	Thu nhập bình quân	Tr. Đồng	6,9	7,37	106,81
6	Tỷ suất lợi nhuận /VĐL	%	14,86	19,27	129,68
7	Chia cổ tức (dự kiến)	Tỷ đồng	1,350	1,355	100,3

Lãnh đạo thị sát tỉ mỉ hiện trường để đề ra phương án thích hợp



NBR – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội, địa chỉ P12.8 tòa nhà M5, số 91 Đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Tp Hà Nội là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình. Đây là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách những đơn vị kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Chi tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016.

- Hội đồng quản trị đã phê duyệt dự toán Tổng mức lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2016 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông là: 628.800.000 đồng.

- Năm 2016, đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch (các chỉ tiêu kinh tế chính như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra), quyết toán tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2016 là: 628.800.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao đ/người/tháng	Mức lương đ/người/tháng	Tổng số tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	12		30.000.000	360.000.000
2	Thành viên HĐQT	2	12	2.000.000		48.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	12		16.000.000	192.000.000
4	Thành viên Ban KS	2	12	1.200.000		28.800.000
Cộng						628.800.000



Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN chỉ đạo công tác cứu chữa hậu quả bão lụt tháng 9/2009

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công các công trình do Công ty đảm nhận theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Chỉ đạo, giám sát việc sắp xếp mô hình tổ chức toàn Công ty; việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017
Tổng sản lượng	Tỷ đồng	139,7
Doanh thu	Tỷ đồng	127,7
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	14
Lợi nhuận		
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.430
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.744
Phân phối lợi nhuận sau thuế		
Chia cổ tức	Triệu đồng	1.364
Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	274,4
Quỹ khen thưởng ban điều hành	Triệu đồng	234
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	871,6
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	18.060
Vốn điều lệ	Triệu đồng	18.060
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ:	%	15,2
Số lao động sử dụng trong năm	Người	631
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	7,7

CÁC NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Xác định năm 2017 sẽ là một năm còn nhiều khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty vì vậy, Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2017, đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của của công tác quản trị trong năm 2017 như sau:

Năm 2017, Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường năng lực quản trị, đề ra các giải pháp nhằm chỉ đạo và điều hành công tác SXKD của Công ty, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch SXKD của năm 2017 với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	139,7
2	Doanh thu	Tỷ đồng	127,7
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,430
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,744
5	Phân phối lợi nhuận		
+	Chia cổ tức (7,55%)	Tỷ đồng	1,364
+	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tr. đồng	274,4
+	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	Tr. đồng	234
+	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. đồng	871,6
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	18,060
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	18,060
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	15,19
9	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	7,7
10	Số lao động bình quân	Người	631
11	Công tác đầu tư tại công ty năm 2017		
	- Đầu tư mua máy chèn đường cầm tay.	Bộ	4
	- Mua ô tô (từ 4 chỗ đến 16 chỗ ngồi)	Xe	1
	- Sửa chữa hội trường và bếp ăn tập thể	-	-

NBR – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý Công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất.

Phối hợp cùng Ban Kiểm soát Công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác SXKD năm 2017 nhằm phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và phải đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu của hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“ **40** năm xây dựng phát triển và trưởng thành ”



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Nội dung các phiên họp như sau

- Phiên họp ngày 22/4/2016: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2016 Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Phiên họp ngày 07/7/2016: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2016 Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Phiên họp ngày 10/10/2016: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2016 Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Phiên họp ngày 20/01/2017: Đánh giá kết quả SXKD năm 2016, Phương hướng SXKD năm 2017.

- Các nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2016 gồm: 51 văn bản, trong đó

- Số lượng Nghị quyết ban hành: 15 Nghị quyết
- Số lượng quyết định ban hành: 23 Quyết định.
- Số lượng văn bản khác: 13 Văn bản



Nghiệm thu công tác sản xuất TVBTCT liên khối của C.ty; Nghiệm thu bảo dưỡng thường xuyên hàng quý với Phân ban 2



Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các quy chế quản lý bao gồm:

- Hội đồng quản trị ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình sau khi được Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 25/12/2015 thông qua.
- Quyết định số 18/QĐ-ĐSNB ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Quyết định số 21/QĐ-ĐSNB ngày 25/02/2016 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Quyết định số 41/QĐ-ĐSNB ngày 10/3/2016 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế tạm thời về Quản lý tài chính Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Quyết định số 70/QĐ-ĐSNB ngày 08/6/2016 của hội đồng quản trị về ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương đối với lao động quản lý, lao động chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh, phục vụ trong Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Quyết định số 85/QĐ-ĐSNB ngày 15/6/2016 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- Quyết định số 190/QĐ-ĐSNB ngày 24/11/2016 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Ban hành chức năng nhiệm vụ của các phòng ,các đơn vị cầu đường và các chi nhánh trực thuộc Công ty.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Mai Văn Tân giữ chức vụ Giám đốc Công ty, Ông Lê Công Đệ, Ông Nguyễn Thanh Hải giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty và Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung giữ chức Kế toán trưởng Công ty.

Quy trình bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị được tuân thủ theo đúng điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế phân cấp quản lý cán bộ của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Cac thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, đưa ra những ý kiến khách quan góp phần vào định hướng phát triển Công ty. Giám sát các hoạt động của Công ty và Ban điều

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Công ty không có tiểu ban.



Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.

Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2016 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất “Công ty cổ phần”. Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.

Những cuộc họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty.

Sau cuộc họp HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT. BGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.
- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.
- Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
Hội đồng quản trị			360.000.000	48.000.000
1	Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch	360.000.000	
2	Mai Văn Tân	Thành viên HĐQT		24.000.000
3	Lê Công Đệ	Thành viên HĐQT		24.000.000
Ban kiểm soát			192.000.000	28.800.000
1	Trần Thị Kim Loan	Trưởng Ban	192.000.000	
2	Thái Thị Thảo Vi	Thành viên Ban kiểm soát		14.400.000
3	Trần Quốc Nguyên	Thành viên Ban kiểm soát		14.400.000
Ban điều hành			1.152.000.000	
1	Mai Văn Tân	Giám đốc	312.000.000	
2	Lê Công Đệ	Phó Giám đốc	288.000.000	
3	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	288.000.000	
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	264.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“ **40** năm xây dựng phát triển và trưởng thành ”



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

“Đoàn kết - Kỷ luật - Cần kiệm - Sáng tạo”



Số: 21./2017/BCKT-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.456.693.619	56.450.118.716
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	10.336.108.216	9.652.292.206
1.	Tiền	111		10.336.108.216	6.652.292.206
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.088.122.378	35.906.951.522
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	32.976.806.430	32.954.285.628
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.750.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.053.565.948	2.952.665.894
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.04	6.032.463.025	10.890.874.988
1.	Hàng tồn kho	141		6.032.463.025	10.890.874.988
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.365.374.015	15.300.717.540
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.032.049.515	11.481.359.799
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	10.032.049.515	11.481.359.799
	- Nguyên giá	222		22.366.379.152	22.366.379.152
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.334.329.637)	(10.885.019.353)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.333.324.500	3.819.357.741
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	3.333.324.500	3.819.357.741
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.822.067.634	71.750.836.256

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		44.281.585.233	57.022.359.565
I.	Nợ ngắn hạn	310		42.330.990.573	42.685.512.005
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	16.804.198.651	10.084.457.888
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	500.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	2.395.006.585	3.200.576.394
4.	Phải trả người lao động	314		16.811.946.201	17.545.276.816
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	105.000.000	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	2.524.769.764
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	5.266.906.974	6.471.863.081
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.932.162	2.358.568.062
II.	Nợ dài hạn	330		1.950.594.660	14.336.847.560
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.11	1.799.394.660	14.120.847.560
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.07	151.200.000	216.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	21.540.482.401	14.728.476.691
I.	Vốn chủ sở hữu	410		21.540.482.401	14.728.476.691
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	7.160.247.863
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	7.160.247.863
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	7.568.228.828
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.480.482.401	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.480.482.401	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.822.067.634	71.750.836.256

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Giám đốc






Trần Quốc Nguyên

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	126.854.518.623	123.816.750.926
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.854.518.623	123.816.750.926
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	110.986.668.899	110.498.569.828
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.867.849.724	13.318.181.098
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	772.838.687	662.694.917
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	14.871.451	20.034.000
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.871.451	20.034.000
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	534.118.469	535.492.886
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	11.665.562.283	10.145.328.798
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.426.136.208	3.280.020.331
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	776.013	58.981.455
12.	Chi phí khác	32	VI.06	61.047.376	245.953.331
13.	Lợi nhuận khác	40		(60.271.363)	(186.971.876)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.365.864.845	3.093.048.455
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	885.382.444	734.580.393
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.480.482.401	2.358.468.062
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.927	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.927	Không áp dụng

Người lập biểu



Trần Quốc Nguyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Mai Văn Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		139.517.449.683	126.678.792.507
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.963.663.853)	(36.859.752.331)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(56.464.812.260)	(14.649.341.362)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(14.871.451)	(20.034.000)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(584.580.393)	(1.173.240.313)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.862.786.749	4.833.199.221
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.376.531.152)	(83.928.686.504)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.222.677)	(5.119.062.782)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		772.838.687	662.694.917
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		772.838.687	662.694.917

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(64.800.000)	(70.200.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.800.000)	(70.200.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		683.816.010	(4.526.567.865)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.652.292.206	14.178.860.071
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		10.336.108.216	9.652.292.206

Người lập biểu



Trần Quốc Nguyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Mai Văn Tân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính bắt đầu từ ngày 08 tháng 01 năm 2016 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty kể từ thời điểm chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	78.060.950	61.106.135
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.258.047.266	6.591.186.071
- Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	10.336.108.216	9.652.292.206

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.976.806.430	32.954.285.628
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	3.520.901.300	4.520.901.300
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	13.608.396.180	15.017.440.247
- Công ty CP Công trình 875	4.134.991.000	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	3.686.185.000	3.118.389.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	2.715.332.000	2.715.332.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.311.000.950	7.582.223.081
Cộng	32.976.806.430	32.954.285.628

b. Các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.026.583.180	20.851.161.247
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	13.608.396.180	15.017.440.247
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	3.686.185.000	3.118.389.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	2.715.332.000	2.715.332.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	1.016.670.000	-
Cộng	21.026.583.180	20.851.161.247

03. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	3.053.565.948	-	2.952.665.894	-
- Phải thu về cổ phần hoá	500.000.000	-	500.000.000	-
- Tạm ứng	861.399.200	-	1.184.172.200	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	97.577.350	-	338.613.650	-
- Phải thu khác	1.594.589.398	-	929.880.044	-
+ Phải thu CBCNV – BHXH	392.334.967	-	436.177.563	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	76.873.300	-	71.518.600	-
+ Phải thu CBCNV - BHTN	51.035.700	-	-	-
+ Phải thu CBCNV (Thuế TNCN)	93.526.299	-	206.166.628	-
+ Các khoản phải thu khác	980.819.132	-	216.017.253	-
Cộng	3.053.565.948	-	2.952.665.894	-

Z

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.664.945.173	-	2.710.593.197	-
- Công cụ, dụng cụ	55.688.177	-	75.643.022	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.283.595.060	-	8.075.401.114	-
- Thành phẩm	19.382.702	-	19.382.702	-
- Hàng hóa	8.851.913	-	9.854.953	-
Cộng	6.032.463.025	-	10.890.874.988	-

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.498.998.983	2.658.921.696	9.172.572.109	35.886.364	22.366.379.152
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.498.998.983	2.658.921.696	9.172.572.109	35.886.364	22.366.379.152
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.746.743.493	1.872.993.484	3.236.829.613	28.452.763	10.885.019.353
- Khấu hao trong năm	500.711.524	193.677.672	753.434.368	1.486.720	1.449.310.284
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.247.455.017	2.066.671.156	3.990.263.981	29.939.483	12.334.329.637
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	4.752.255.490	785.928.212	5.935.742.496	7.433.601	11.481.359.799
2. Tại ngày cuối năm	4.251.543.966	592.250.540	5.182.308.128	5.946.881	10.032.049.515

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn	3.333.324.500	3.819.357.741
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	151.282.541	216.117.913
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	135.440.137	193.874.724
- Giá trị lợi thế kinh doanh	3.046.601.822	3.385.113.136
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	24.251.968
Cộng	3.333.324.500	3.819.357.741

Đơn vị tính: VND

07. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	216.000.000	216.000.000	-	64.800.000	151.200.000	151.200.000
- Từ 01 đến 05 năm	216.000.000	216.000.000	-	64.800.000	151.200.000	151.200.000
+ Vay CBCNV Công ty (*)	216.000.000	216.000.000	-	64.800.000	151.200.000	151.200.000
Cộng	216.000.000	216.000.000	-	64.800.000	151.200.000	151.200.000

(*) Các khoản vay cá nhân có thời hạn 05 năm kể từ ngày 10/07/2014, lãi suất bằng lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm. Mục đích của các khoản vay là để sửa chữa nhà hàng của Trung tâm dịch vụ văn hóa Thẻ thao Đường sắt. Thời hạn trả lãi vay và gốc theo yêu cầu rút gốc của từng cá nhân.

08. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	16.804.198.651	16.804.198.651	10.084.457.888	10.084.457.888
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	-	1.539.795.000	1.539.795.000
- Công ty Chế biến Lâm sản Nghệ An	1.787.650.599	1.787.650.599	1.003.366.399	1.003.366.399
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	2.579.710.950	2.579.710.950	923.513.204	923.513.204
- Công ty Cổ phần Công trình 6	2.652.472.000	2.652.472.000	814.936.800	814.936.800
- Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng	2.241.760.000	2.241.760.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	4.867.965.305	4.867.965.305	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.674.639.797	2.674.639.797	5.802.846.485	5.802.846.485
Cộng	16.804.198.651	16.804.198.651	10.084.457.888	10.084.457.888

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	1.539.795.000	1.539.795.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	2.652.472.000	2.652.472.000	814.936.800	814.936.800
- Công ty Cổ phần Công trình 6	986.229.000	986.229.000	964.065.000	964.065.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	-	-	507.404.000	507.404.000
- Công ty Cổ phần TTH Đường sắt Đà Nẵng	-	-	-	-
Cộng	3.638.701.000	3.638.701.000	3.826.200.800	3.826.200.800

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	2.436.750.141	12.875.321.045	13.615.712.573	-	1.696.358.613
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	305.209.247	885.382.444	584.580.393	-	606.011.298
- Thuế thu nhập cá nhân	-	205.277.003	93.526.299	206.166.628	-	92.636.674
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	690.251.076	690.251.076	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	253.340.003	6.000.000	259.340.003	-	-
Cộng	-	3.200.576.394	14.550.480.864	15.356.050.673	-	2.395.006.585

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>105.000.000</i>	-
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	-
Cộng	105.000.000	-

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>5.266.906.974</i>	<i>6.471.863.081</i>
- Kinh phí công đoàn	-	125.849.812
- Phải trả về cổ phần hoá	698.367.836	5.673.092.126
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.568.539.138	672.921.143
+ <i>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</i>	<i>4.437.291.138</i>	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>131.248.000</i>	<i>672.921.143</i>
<i>b. Dài hạn</i>	<i>1.799.394.660</i>	<i>14.120.847.560</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.799.394.660	14.120.847.560
+ <i>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</i>	<i>1.799.394.660</i>	<i>14.120.847.560</i>
Cộng	7.066.301.634	20.592.710.641

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn DT XDCB	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	8.813.619.627	-	1.533.087.361	-	30.262.168	10.376.969.156
- Tăng vốn trong năm trước	-	7.568.228.828	-	-	-	7.568.228.828
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.358.468.062	-	2.358.468.062
- Tăng khác	381.059.004	-	-	-	-	381.059.004
- Giảm vốn trong năm trước	(2.034.430.768)	-	-	-	-	(2.034.430.768)
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(2.358.468.062)	-	(2.358.468.062)
- Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty	-	-	(1.533.087.361)	-	(30.262.168)	(1.563.349.529)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	7.160.247.863	7.568.228.828	-	-	-	14.728.476.691
Số dư đầu năm nay	7.160.247.863	7.568.228.828	-	-	-	14.728.476.691
- Tăng vốn trong năm nay	10.899.752.137	-	-	-	-	10.899.752.137
- Lãi trong năm nay	-	-	-	3.480.482.401	-	3.480.482.401
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	(7.568.228.828)	-	-	-	(7.568.228.828)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	18.060.000.000	-	-	3.480.482.401	-	21.540.482.401

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	7.160.247.863	100%
- Các cổ đông khác (Chủ sở hữu khác)	8.849.400.000	49%	-	0%
Cộng	18.060.000.000	100%	7.160.247.863	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	7.160.247.863	8.813.619.627
+ Vốn góp tăng trong năm	10.899.752.137	381.059.004
+ Vốn góp giảm trong năm	-	2.034.430.768
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	7.160.247.863
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.358.468.062
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	2.358.468.062

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

13. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam**

Tên vật tư, quy cách	Số cuối năm		
	Đơn vị tính	Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Lập lách P30 PL	Bộ	292	8.176
Bulon mối P43 PL	Cái	7.738	4.851
Tà vẹt sắt ghi PL	Thanh	15	450
Ray khúc P24 PL	Mét	2	80
Ray khúc P43 PL	Mét	84,5	3.379
Núm ray P30 PL	Mét	5,3	74
Đế ray P30 PL	Mét	11	147
Núm ray P43 PL	Mét	119,45	2.389
Đế ray P43 PL	Mét	23,00	460
Phụ kiện cóc K1 PL	Bộ	201,00	150
Cóc các loại PL	Cái	162.338	48.701

Tên vật tư, quy cách	Số cuối năm		
	Đơn vị tính	Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Cụm cóc P30 PL	Bộ	3.281	984
Đỉnh Tiaraphong PL	Cái	19.716	8.872
Pulon cóc P30 , P43 PL	Cái	165.530	33.106
Đỉnh Cramphong PL	Cái	13.680	3.420
Bulon móc các loại PL	Cái	1.831	2.014
Bulon mối P30 PL	Cái	744	372
Thanh giằng ngang PL	Thanh	7	84
Thanh giằng cự ly PL	Thanh	50	550
Xà gỗ 7x10x2,5m PL	Cây	25	175
Cuốc chèn PL	Cái	41	144
Cửa sổ nhôm lá sách 1,5x2,8 PL	Bộ	1	5
Cửa sổ nhôm lá sách 1,3x2,3 PL	Bộ	2	9
Cửa sổ nhôm kính PL	Bộ	2	8
Khung sắt cổng 2,4x3,1 PL	Cái	1	35
Căn sắt C3+C4 PL	Cái	743	372
Xương ghi Tg 1/10 P43 Lxô PL	Bộ	10	41.000
Bulon TVBT PL	Cái	4.585	2.567
Ray hộ bánh P43x6,1m PL	Thanh	2	488
Bulon TVBT M22x60 PL	Cái	14	4
Lập lách P43+ phụ kiện PL	Bộ	1.376	41.280
Biển tình không hỏng	Biển	1	3
Phụ kiện ĐH PL	Bộ	168	218
Ray P43 L=12,5m PL	Thanh	697	348.500
Tà vệt sắt SDL	Thanh	9.549	286.470
Đệm sắt PL	Tấm	55	220
Tà vệt BT (K1, K2, K3 + TLK)	Thanh	636	9.540
Lập lách P43 PL	Bộ	201	5.829
Tà vệt BT K3A PL	Thanh	46	690
Ray P43 cuppong L=6,25m PL	Thanh	10	2.500
Ray P30x12m PL	Thanh	8	2.688
Tâm ghi tg 1/9 P50 PL	Cái	1	716
Ray P43 HB L=10m PL	Thanh	2	800
Ray P43 HB L=8m PL	Thanh	2	640
Ray P50 khúc mét PL	Mét	14,4	648
Pale thép 250 x 2,4 SDL	Trụ	6,0	3.000
Dầm I 910 L = 12,5 SDL	Dầm	4,0	14.900

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	115.541.431.348	111.329.657.016
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.313.087.275	12.487.093.910
Cộng	126.854.518.623	123.816.750.926

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	115.859.755.265	105.548.490.692
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	112.169.997.991	96.226.819.781
+ Công trình sửa chữa định kỳ <500 triệu đồng	2.723.197.273	4.210.490.910
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	966.560.001	5.111.180.001
- Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	516.178.182	-
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	516.178.182	-
- Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	924.245.455	-
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	924.245.455	-
02. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	100.996.177.878	98.100.666.090
Giá vốn của hoạt động xây dựng	9.990.491.021	12.397.903.738
Cộng	110.986.668.899	110.498.569.828
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	772.838.687	662.694.917
Cộng	772.838.687	662.694.917
04. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	14.871.451	20.034.000
Cộng	14.871.451	20.034.000
05. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	58.981.455
- Các khoản thu nhập khác	776.013	-
Cộng	776.013	58.981.455
06. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cắt giảm công trình	30.147.376	110.380.000
- Các khoản chi phí khác	30.900.000	135.573.331
Cộng	61.047.376	245.953.331
07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	11.665.562.283	10.145.328.798
- Chi phí nhân viên quản lý	7.519.229.939	7.334.945.808
- Thuế, phí và lệ phí	418.685.216	135.518.944
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.727.647.128	2.674.864.046
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	534.118.469	535.492.886
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.118.469	535.492.886
Cộng	12.199.680.752	10.680.821.684

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	885.382.444	734.580.393
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	885.382.444	734.580.393

()*: Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.365.864.845	3.093.048.455
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	61.047.376	245.953.331
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.426.912.221	3.339.001.786
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	885.382.444	734.580.393

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.480.482.401
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.927

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.480.482.401
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.927

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.289.648.493	36.577.775.764
- Chi phí nhân công	59.378.468.887	65.688.970.884
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.449.310.284	3.674.140.741
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.871.377.182	3.216.542.526
- Chi phí khác bằng tiền	13.405.738.751	11.999.376.280
Cộng	118.394.543.597	121.156.806.195

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	1.717.466.298	849.839.600
Cộng	<u>1.717.466.298</u>	<u>849.839.600</u>

Đơn vị tính: VND

Qũy lương, thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) trong năm:

	<u>Năm nay</u>
- Lương của Chủ tịch HĐQT và thù lao thành viên HĐQT	408.000.000
- Lương của trưởng BKS và thù lao thành viên BKS	220.800.000
Cộng	<u>628.800.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần XNK Vật tư thiết bị Đường sắt	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công trình 6	Công ty mẹ nắm giữ 15,89% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang	Công ty mẹ nắm giữ 44,44% vốn điều lệ

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	<i>Đơn vị tính: VND</i> Năm trước
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
- Trả phí quản lý theo tỷ lệ doanh thu	2.019.059.964	1.732.082.755
- Mua vật tư	-	19.228.696.344
- Thuê máy móc	2.406.919.973	-
- Giảm chi phí quản lý thường xuyên	116.907.700	-
- Bồi thường vật chất	30.900.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt		
- Mua vật tư	-	1.251.030.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa		
- Thuê máy thi công đường sắt	-	1.539.795.000
Công ty Cổ phần Công trình 6		
- Mua vật tư	3.029.794.000	1.477.520.000
- Chi vận chuyển	199.726.000	-
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng		
- Thi công công trình	-	889.629.000
Công ty CP Đường sắt Hà Hải		
- Thuê máy thi công đường sắt	8.193.636	36.053.823
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt		
- Mua phụ kiện sửa chữa thường xuyên	-	159.800.155
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Thuê máy chèn	896.571.818	964.065.000
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm		
- Mua vật tư	-	68.522.300
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn		
- Vận chuyển đá	587.250.000	349.200.000
Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang		
- Mua vật tư	1.013.359.088	805.035.000
- Thuê nhân công	-	95.280.000
Trung tâm Y tế Đường sắt		
- Khám sức khỏe định kỳ	118.000.000	155.500.000
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh		
- Mua vật liệu thi công	484.872.338	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.08, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Phải thu về cổ phần hóa	500.000.000	500.000.000
Công nợ phải thu	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	2.524.769.764
+ Phải trả về cổ phần hóa	698.367.836	5.673.092.126
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.437.291.138	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1.799.394.660	14.120.847.560
Công nợ phải trả	6.935.053.634	22.318.709.450

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn đường sắt, dịch vụ nhà hàng, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, máy bay, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Xây dựng	Dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.313.087.275	115.541.431.348	126.854.518.623
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	10.961.921.397	111.466.461.018	122.428.382.415
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	351.165.878	4.074.970.330	4.426.136.208
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	129.251.791	1.320.058.493	1.449.310.284
Số dư cuối năm nay			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.948.325.911	50.537.633.507	55.485.959.418
- Tài sản không phân bổ			10.336.108.216
Tổng tài sản	4.948.325.911	50.537.633.507	65.822.067.634
- Nợ phải trả bộ phận	3.864.563.947	39.469.089.124	43.333.653.071
- Nợ phải trả không phân bổ			947.932.162
Tổng nợ phải trả	3.864.563.947	39.469.089.124	44.281.585.233

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.336.108.216	-	9.652.292.206	-	10.336.108.216	9.652.292.206
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.571.395.828	-	33.884.165.672	-	34.571.395.828	33.884.165.672
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	44.907.504.044	-	43.536.457.878	-	44.907.504.044	43.536.457.878

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	16.804.198.651	10.084.457.888	16.804.198.651	10.084.457.888
Vay và nợ	151.200.000	216.000.000	151.200.000	216.000.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	105.000.000	-
Các khoản phải trả khác	6.367.933.798	14.793.768.703	6.367.933.798	14.793.768.703
Cộng	23.428.332.449	25.094.226.591	23.428.332.449	25.094.226.591

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	16.804.198.651	-	-	16.804.198.651
Vay và nợ	-	151.200.000	-	151.200.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	4.568.539.138	1.799.394.660	-	6.367.933.798
Cộng	21.477.737.789	1.950.594.660	-	23.428.332.449
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	10.084.457.888	-	-	10.084.457.888
Vay và nợ	-	216.000.000	-	216.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	672.921.143	14.120.847.560	-	14.793.768.703
Cộng	10.757.379.031	14.336.847.560	-	25.094.226.591

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình (nay là Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

		Bình Định, ngày 17 tháng 02 năm 2017
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		
Trần Quốc Nguyên	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Mai Văn Tân

Note: A red circular stamp is present over the signature of Mai Văn Tân. The stamp contains the text: 'M.S.D.N. 1992.5.905', 'CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH', and 'TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH'.



CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH
Nguyễn Thái Linh